

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2020
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** và ông **Đỗ Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2020/TB-TA ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự;

*** Nguyên đơn:** **Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ.**

Địa chỉ trụ sở chính: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang T** - Chức vụ; Giám đốc

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tiến M** - Sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Đại diện Quỹ tín dụng có mặt, ông Nguyễn Tiến M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày nội dung, yêu cầu khởi kiện như sau:**

Ngày 07/02/2017, Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ và ông Nguyễn Tiến M đã ký kết “*Hợp đồng tín dụng*” số: 20/HĐTD (2017.0020/HS), theo đó Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ cho ông Nguyễn Tiến M vay số tiền 160.000.000.đ để sửa nhà và làm công trình phụ. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 07/02/2017 đến 07/02/2019, tiền gốc trả dần, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 0,95%/tháng, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay trên, cũng trong ngày 07/02/2017, Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ và ông Nguyễn Tiến M đã ký kết “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” số 16/HĐTCTS, tài sản mà ông M thế chấp là thửa đất số 337, tờ bản đồ số 30, diện tích 345,0m², địa chỉ thửa đất thuộc khu 1, xã Đ đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thanh Ba cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số A0 611068 ngày 08/01/2009 đứng tên người sử dụng đất là Nguyễn Tiến M và Hà Thị T cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Giá trị tài sản thế chấp là 245.000.000.đ.

Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ đã giải ngân toàn số tiền vay 160.000.000.đ cho ông Nguyễn Tiến M. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay tiền là ông Nguyễn Tiến M vẫn chưa trả được tiền gốc, tiền lãi đã trả đến hết tháng 12/2018. Kể từ tháng 01/2019, ông M không trả thêm được số tiền nào mặc dù Quỹ tín dụng đã nhắn tin, thông báo để ông M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả. Tính đến nay, ông M còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ 160.000.000.đ tiền gốc và tiền lãi quá hạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/02/2020 là 31.822.700.đ.

Do ông M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và cũng đã quá thời hạn trả nợ tiền gốc vì vậy Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến M phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 26/02/2020 gồm: Tiền gốc 160.000.000.đ, tiền lãi quá hạn 31.822.700.đ. Tổng cả gốc và lãi là 191.822.700.đ.

Nếu ông Nguyễn Tiến M không thực hiện việc trả nợ thì đề nghị cho kê biên đấu giá tài sản đã thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để Quỹ tín dụng thu hồi nợ.

* Bị đơn là ông **Nguyễn Tiến M** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ thể hiện quan điểm như sau: Ông M xác nhận có thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để vay Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ số tiền gốc 160.000.000đ như Quỹ tín dụng đã trình bày. Cho đến nay vẫn còn nợ toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Việc Quỹ tín dụng khởi kiện đòi nợ ông là hoàn toàn đúng và chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Nếu ông không trả được nợ thì đồng ý cho xử lý toàn bộ tài sản mà ông đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhắn tin và thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là ông Nguyễn Tiến M đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải. Hiện nay, ông M đang bị tạm giữ, tạm giam và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ khởi kiện để yêu cầu ông Nguyễn Tiến M, có địa chỉ thường trú tại; khu 1, xã Đ, huyện T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo “Hợp đồng tín dụng” số 20/HĐTD (2017.0020/HS) ngày 07/02/2017. Tranh chấp phát sinh do vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân. Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Hợp đồng tín dụng số 20/HĐTD (2017.0020/HS) ngày 07/02/2017 giữa nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ và bị đơn là ông Nguyễn Tiến M được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật cho phép thực hiện, tuân thủ đúng pháp luật về nội dung, hình thức của giao dịch do vậy đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và các bên đều phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, phía bị đơn là ông Nguyễn Tiến M không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, kể từ tháng 01/2019 không trả tiền lãi và cũng đã quá thời hạn trả nợ tiền gốc mặc dù Quỹ tín dụng đã thông báo, nhắc tin cho ông M nhưng không có kết quả.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các cam kết đã được thỏa thuận trong hợp đồng, cũng hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, về phía bị đơn cũng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do vậy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và buộc bị đơn là ông Nguyễn Tiến M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ số tiền nợ gốc là 160.000.000.đ; tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 31.822.700.đ. Tổng cả gốc và lãi là 191.822.700.đ.

- Ngoài tiền nợ gốc, tiền lãi phải trả như đã nêu trên, căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố ngày 17/10/2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho nguyên đơn.

- Về yêu cầu của nguyên đơn đối với tài sản mà bị đơn thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ là thửa đất số 337, tờ bản đồ số 30, diện tích 345,0m², địa chỉ tại khu 1, xã Đ, huyện T, đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số A0 611068 ngày 08/01/2009, đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Tiến M và bà Hà Thị T cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Do trước đây ông M và bà T là vợ chồng nên đứng tên chung về tài sản, khi ông M và bà T ly hôn. Theo “Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự” số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thì ông M là người được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung. Tòa án cũng đã tiến xem xét thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất trên xác định tài sản này là hoàn toàn thực tế, không có tranh chấp và thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông M. Xét “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” số 16/HĐTCTS ngày 07/02/2017 đã được đăng ký thế chấp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 317, khoản 1 Điều 318 của Bộ luật dân sự và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết theo quy định tại khoản 1 Điều 319 của Bộ luật dân sự. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc cho xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm; Hợp đồng tín dụng số 20/HĐTD (2017.0020/HS) ngày 07/02/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Đơn đăng ký thế chấp và chứng nhận thế chấp của Cơ quan đăng ký, GCNQSDĐ số A0 611068 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 08/01/2009, Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ tín dụng, Văn bản ủy quyền của Quỹ tín dụng, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba cùng một số tài liệu khác. Ngoài ra còn có biên bản xác minh, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Qua xem xét đánh giá, Hội đồng xét xử xác định những tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp đều hợp pháp và có đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn là ông Nguyễn Tiến M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định đối với tài sản thế chấp. Tổng chi phí cho việc thẩm định là 3.800.000đ và toàn bộ số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông M phải chịu khoản chi phí này và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền chi phí thẩm định là 3.800.000đ.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về vụ án, xác định quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 278, Điều 280, khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 298, khoản 1 Điều 299, Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/10/2016 và được công bố ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân xã Đồng Xuân về việc yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Tiến M phải trả nợ tiền vay theo “Hợp đồng tín dụng” số 20/HĐTD (2017.0020/HS) ngày 07/02/2017;

+ Buộc ông Nguyễn Tiến M phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ số tiền nợ gốc là 160.000.000đ và số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26/02/2020 là 31.822.700.đ. Tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Tiến M phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ là **191.822.700đ** (một trăm chín mươi một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm đồng);

+ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tiến M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” số 20/HĐTD (2017.0020/HS) ngày 07/02/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng thì lãi suất mà ông Nguyễn Tiến M phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ;

+ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Tiến M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân xã Đồng Xuân có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cho bán đấu giá tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất tại khu 1, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Thanh Ba cấp GCNQSDĐ số đất số A0 611068 ngày 08/01/2009 mang tên người sử dụng là ông Nguyễn Tiến M và bà Hà Thị T. Trường hợp tài sản bảo đảm được đấu giá không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Tiến M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- **Về án phí:** Bị đơn là ông Nguyễn Tiến M phải nộp **9.591.135.đ** (chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ toàn bộ số đã nộp tạm ứng án phí là

4.000.000.đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001778 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

- **Về chi phí tố tụng:** Ông Nguyễn Tiến M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ số tiền **3.800.000.đ** (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- Các đương sự, người đại diện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn